

Bản án số: **09/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 29/02/2024

(V/v tranh chấp Ly hôn)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CẦU GIẤY – THÀNH PHỐ HÀ NỘI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Thanh Tú - Thẩm phán

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đỗ Quang Khánh

2. Bà Đỗ Hảo Hoàn

-Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Kim Yến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 429/2023/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2024/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2024/QĐHPT-ST ngày 01 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Hoàng Văn T, sinh năm 1954

HKTT và chỗ ở: tổ 15B khu 1, phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Đăng Vinh, Đoàn luật sư thành phố Hà Nội – Có mặt tại phiên tòa.

2.Bị đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1954

HKTT và chỗ ở: Căn hộ 323 tầng 3 nhà A25 phường N, phường N, quận C, thành phố Hà Nội.

Vắng mặt tại phiên tòa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

****Tại các văn bản tố tụng, nguyên đơn là ông Hoàng Văn T trình bày như sau:***

Ông và bà Lê Thị L lấy nhau có đăng ký kết hôn năm 1981 tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Do bị mất giấy đăng ký kết hôn nên ngày 23/4/2019 ông, bà đã đăng ký kết hôn lại tại UBND phường B, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh. Ông bà kết hôn tự nguyện, có tìm hiểu, trước đó chưa ai có vợ có chồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống đến mấy năm gần đây thì mâu thuẫn căng thẳng, bất đồng quan điểm sống. Ông, bà sống ly thân mỗi người một nơi, ông về sinh sống ổn định tại Quảng Ninh từ mấy năm nay, bà hiện sống ở Hà Nội, cả hai không còn đời sống chung. Nay ông đề nghị được ly hôn bà L.

Về con chung: Ông và bà L có 02 con chung là Hoàng Thu N, sinh ngày 13/4/1982 và Hoàng Minh H, sinh ngày 11/12/1988. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên ông không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Ông không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Ông xác định không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

****Tại các văn bản tố tụng, bà Lê Thị L trình bày:***

Bà xác nhận lời trình bày của ông T về thời gian đăng ký kết hôn và việc đăng ký kết hôn lại là đúng. Quá trình chung sống bà xác định vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân chính là do bà đầu tư làm ăn vào lĩnh vực theo ông T là mạo hiểm, không an toàn, hiểu lầm bà làm ăn, vay nợ xã hội đen dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà và ông T sống ly thân từ đầu năm 2022 đến nay. Bà hiện ở Hà Nội, ông Thành ở Quảng Ninh. Bà mong muốn hai bên tự giải quyết xong về vấn đề tài sản chung thì bà mới thuận tình ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T có 02 con chung là Hoàng Thu N, sinh ngày 13/4/1982 và Hoàng Minh H, sinh ngày 11/12/1988. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên bà không đề nghị giải quyết.

Về tài sản chung: Bà không yêu cầu tòa án giải quyết.

và khoản nợ chung: Bà xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận Cầu Giấy tham gia phát biểu ý kiến tại phiên tòa có ý kiến như sau:***

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy thụ lý đơn ly hôn của ông Hoàng Văn T đúng thẩm quyền; tiến hành phân công Thẩm phán, thư ký theo đúng quy định tại điều 195, 197 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Tòa án đã tuân

thủ đúng quy định về thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án theo điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đã tiến hành tổng đạt cho các đương sự và Viện kiểm sát đúng quy định tại các điều 177, 178, 179 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; quá trình giải quyết và quyết định đưa vụ án ra xét xử theo đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa dân sự sơ thẩm, đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử, thành phần hội đồng xét xử theo đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn tham gia đầy đủ các buổi làm việc tại Tòa án, đã thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. Bị đơn vắng mặt tại buổi hòa giải, công khai chứng cứ lần 2 và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của đương sự tại các điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 21; khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326 quy định về án phí lệ phí Tòa án. Xử chấp nhận yêu cầu của ông Hoàng Văn T về việc yêu cầu ly hôn đối với bà Lê Thị L. Về con chung đã đủ 18 tuổi nên không xét. Về tài sản chung, khoản nợ chung hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Lê Thị n có hộ khẩu thường trú và hiện đang sinh sống tại căn hộ 323 nhà A25 phường N, quận C, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy căn cứ điểm a khoản 1 điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015 thụ lý vụ án là có căn cứ.

Ông Hoàng Văn T vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bà Lê Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2, căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Hội đồng xét xử thấy: Ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị L lấy nhau có đăng ký kết hôn. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của các bên đương sự và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án cho thấy giữa ông T và bà L trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hai bên đều xác định nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, cách sống và đã sống ly thân được một thời gian. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn của ông, bà đã trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T đối với bà L.

[3] Về con chung: Ông T và bà L xác nhận có 02 con chung là Hoàng Thu N, sinh ngày 13/4/1982 và Hoàng Minh H, sinh ngày 11/12/1988. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành, ông, bà không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xét.

[4] Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[5] Về khoản nợ chung: Hai bên đều xác nhận không có nên Tòa án không xét.

[6] Về án phí: Ông T chịu toàn bộ án phí Ly hôn sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ án phí vì là người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

Áp dụng: Khoản 1 điều 28; điểm a khoản 1 điều 35; điểm a khoản 1 điều 39; điều 147; 203; 207; 210; 227; 235; 271; 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng: Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục mức án phí, lệ phí kèm theo Nghị quyết.

*** Xử:** Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Hoàng Văn T đối với bà Lê Thị L. Ông Hoàng Văn T được ly hôn bà Lê Thị L.

Về con chung: Xác nhận ông Hoàng T và bà Lê Thị L có 02 con chung là Hoàng Thu N, sinh ngày 13/4/1982 và Hoàng Minh H, sinh ngày 11/12/1988. Hiện các con chung đều đã đủ tuổi trưởng thành nên Tòa án không xét.

Về tài sản chung và khoản nợ chung: Tòa án không xét.

Về án phí: Ông Hoàng Văn T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí Ly hôn sơ thẩm nhưng được miễn toàn bộ tiền án phí. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng ông T đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2018/0019799 ngày 10/10/2023 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội.

Về quyền kháng cáo: Ông Hoàng Văn T và bà Lê Thị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- VKSND Q.Cầu Giấy
- THA DS Q.Cầu Giấy
- UBND p. Bạch Đằng

TP Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

- Lưu hồ sơ
- Lưu VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Tô Thanh Tú